

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4049/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đê, kè cửa sông Càn đoạn từ cống Mộng
Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/7/2009, số 2503/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án đê, kè cửa sông Càn đoạn từ cống Mộng Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn;

Theo nội dung Công văn số 5231/UBND-NN ngày 16/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện dự án đê, kè cửa sông Càn đoạn từ cống Mộng Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn;

Xét đề nghị của Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão tại Tờ trình số 509/TTr-ĐĐ ngày 29/9/2017 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 3051/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 09/10/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đê, kè cửa sông Càn đoạn từ cống Mộng Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đê, kè cửa sông Càn đoạn từ cống

Mộng Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn, với những nội dung chính sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án đề, kè cửa sông Càn đoạn từ cống Mộng Giường đi xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/7/2009; điều chỉnh tổng mức đầu tư tại Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 với tổng mức đầu tư 143,085 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Kế hoạch vốn đã giao cho dự án 106,269 tỷ đồng, trong đó năm 2017 là 5,977 tỷ đồng; chủ đầu tư đã triển khai thực hiện hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đoạn từ K0÷K3+142 (gói thầu số 6A) từ ngày 07/01/2016 và triển khai thực hiện đoạn từ K3+142÷KC (gói thầu số 6B) đạt khoảng 75% khối lượng.

2. Nhà thầu lập dự án điều chỉnh: Công ty cổ phần xây dựng Văn Trường.

3. Lý do điều chỉnh dự án:

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gói thầu số 6B đang thi công dở dang, hiện trạng như sau:

- Về đắp đất: Đoạn từ K3+142÷K3+747 (605 m) mới đắp đất đạt cao trình (+3.80/+4.10 m); đoạn từ K3+747÷KC đã đắp đất hoàn thiện mặt cắt (+4.10) m.

- Về kè lát mái: Đoạn từ K3+474÷K4+062 lát 23/33 hàng cầu kiện bê tông đúc sẵn; đoạn từ K4+062÷K4+375,1 lát 15/33 hàng cầu kiện và đoạn từ K4+375,1÷K4+421,28 lát 22/33 hàng cầu kiện; đoạn từ K4+421,28÷K4+576,7 và đoạn từ K4+616,7÷KC lát 33/33 hàng cầu kiện; riêng đoạn từ K3+142÷K3+747 và đoạn từ K4+576,7÷K4+616,7 chưa kè lát mái.

- Về rải lớp cấp phối đá dăm (CPĐD): Mới thi công đoạn từ K4+421,28÷KC.

- Còn lại 8.500 cầu kiện bê tông (40x40x16) cm đã đúc nhưng chưa đưa vào kè lát.

Vì vậy, việc điều chỉnh dự án trên đến điểm dừng kỹ thuật (cơ bản dừng thực hiện đến thời điểm hiện tại, bổ sung phần đắp đất hoàn thiện mặt cắt đoạn từ K3+142÷K3+747; sử dụng hết số cầu kiện bê tông chưa lát; bổ sung đầm khóa mái đỉnh kè để bảo vệ mái kè và rải CPĐD đoạn từ K3+142÷K4+421,28) là phù hợp với tình hình thực tế và đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 5231/UBND-NN ngày 16/5/2017.

4. Nội dung bổ sung, điều chỉnh:

4.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế:

a) Về mặt đề và mái đề phía sông:

- Bổ sung một số nội dung thực hiện đến điểm dừng kỹ thuật của gói thầu số 6B như sau:

- + Đắp đất hoàn thiện mặt cắt đoạn từ K3+142÷K3+747.

- + Sử dụng 8.500 cầu kiện bê tông (40x40x16) cm đã đúc để kè lát hoàn thiện mái đề đoạn từ K4+576,7÷K4+616,7 (dài 40 m thuộc phạm vi cống Phú

Sơn 2); số cầu kiện còn lại dùng cho kê lát đoạn từ K4+062÷K4+421,28 đến điểm dừng kỹ thuật.

+ Thi công đầm khóa mái kê tại điểm dừng kỹ thuật, kích thước đầm (BxH) = (30x50) cm bằng bê tông cốt thép M250; trồng cỏ mái đê phần chưa được kê lát; rải CPDD loại 2 mặt đê đoạn tuyến còn lại, đắp lề toàn tuyến.

- Giải pháp kỹ thuật từng đoạn cụ thể theo bảng sau:

TT	Lý trình	Công việc đã thực hiện đến thời điểm hiện tại	Nội dung thực hiện đến điểm dừng kỹ thuật
1	K3+142÷K3+747	- Đắp đất đạt cao trình (+3.80/+4.10 m) - Xong lăng thể hộ chân kê - Chưa thi công đầm chân kê	- Đắp đất hoàn thiện mặt cắt - Rải CPDD loại 2, đắp lề mặt đê
2	K3+747÷K4+062	- Xong đầm chân kê - Lát 23/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc, ngang mái kê	- Thi công đầm khóa mái tại cao trình (+3.13) m - Trồng cỏ mái đê phần chưa được kê lát - Rải CPDD loại 2, đắp lề mặt đê
3	K4+062÷K4+165,7	- Xong đầm chân kê - Lát 15/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc mái kê	- Lát thêm 9 hàng cầu kiện; thi công đầm khóa mái tại cao trình (+3.13) m - Trồng cỏ mái đê phần chưa được kê lát - Rải CPDD loại 2, đắp lề mặt đê
4	K4+165,7÷K4+375,1	- Xong đầm chân kê - Lát 15/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc mái kê	- Lát thêm 7 hàng cầu kiện; thi công đầm khóa tại cao trình (+2.87) m - Trồng cỏ mái đê phần chưa được kê lát - Rải CPDD loại 2, đắp lề mặt đê
5	K4+375,1÷K4+421,28	- Xong đầm chân kê - Lát 22/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc, ngang mái kê	- Lát thêm 1 hàng cầu kiện; thi công đầm khóa mái tại cao trình (+3.13) m - Trồng cỏ mái đê phần chưa được kê lát - Rải CPDD loại 2, đắp lề mặt đê
6	K4+421,28÷K4+576,7	- Xong đầm chân kê - Lát 33/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc, ngang mái kê - Xong CPDD mặt đê	- Thi công đầm khóa mái tại đỉnh kê - Đắp lề mặt đê

7	K4+576,7÷K4+616,7 (thuộc phạm vi cống Phú Sơn 2)	- Xong công tác đắp đất và rải CPDD mặt đê - Toàn bộ phần kè chưa thi công	- Thi công lãng thể hộ chân kè; thi công đầm chân kè; kè lát hoàn thiện mái kè; thi công đầm khóa mái tại đỉnh kè - Đắp lè mặt đê
8	K4+616,7÷ K5+917,8	- Xong đầm chân kè; lát 33/33 hàng cầu kiện bê tông, đổ bê tông đầm dặc, ngang mái kè - Xong CPDD mặt đê	- Thi công đầm khóa mái tại đỉnh kè - Đắp lè mặt đê

b) Về các hạng mục cống dưới đê, nhà canh đê:

- Gói thầu số 6A: Bổ sung hạng mục nhà canh đê tại cống Trường Sơn (K1+640 - hiện đã được thi công hoàn thiện) vào dự án.

- Gói thầu số 6B: Thi công hoàn thiện các cống Tiến Thành, cống Xuân Mai, nhà canh đê Nga Tiến.

4.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Điều chỉnh chi phí xây dựng và chi phí thiết bị theo khối lượng nghiệm thu hoàn thành đến thời điểm hiện tại.

- Bổ sung chi phí xây dựng để thực hiện các hạng mục bổ sung trong hồ sơ thiết kế điều chỉnh.

- Bổ sung chi phí trượt giá nhân công, máy thi công, nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu tại thời điểm thi công so với thời điểm ký hợp đồng.

- Bổ sung công lát 29.628 cầu kiện bê tông do khối lượng mời thầu và dự thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế.

- Bổ sung chi phí quản lý dự án theo giá trị xây dựng và thiết bị điều chỉnh, bổ sung.

- Điều chỉnh, bổ sung: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng lấy theo các giá trị đã thực hiện; điều chỉnh chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

5. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 164.163,6 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng	143.635,8 triệu đồng;
Chi phí thiết bị	118,7 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	1.876,7 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	5.918,6 triệu đồng;
Chi phí khác	4.109,3 triệu đồng;
Chi phí bồi thường GPMB	8.004,5 triệu đồng;
Chi phí dự phòng	500,0 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

6. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Hoàn thành trước ngày 31/12/2018.

7. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/7/2009, số 2503/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư (Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của nhà nước.

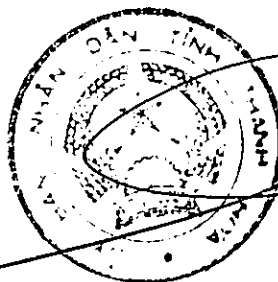
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Ban QLDA ĐTXD các CT NN và PTNT;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỤC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án đề, kè cửa sông Cửa đoạn tự công Móng Giường đi xã Nga Tân, Nga Thái, huyện Nga Sơn
(Kèm theo Quyết định số: 4049/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung công việc	TMĐT điều chỉnh	TMĐT theo QĐ số 2503/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chênh lệch
I	Chi phí xây dựng	143.635,8	112.924,0	30.711,8
II	Chi phí thiết bị	118,7		118,7
III	Chi phí quản lý dự án	1.876,7	1.619,7	256,9
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.918,6	5.943,1	-24,5
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án	303,370	260,799	42,571
2	Chi phí lập dự án đầu tư	260,440	299,638	-39,198
3	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công	923,670	924,004	-0,334
4	Chi phí khảo sát bổ sung (cống Phú Sơn và 2 tuyến đường bổ sung)	188,490		188,490
5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	1.730,435	2.123,352	-392,917
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (bao gồm chi phí thẩm tra dự toán bù trượt giá)	281,390	237,728	43,662
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	148,072	154,862	-6,790
8	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	375,330		375,330
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	1.707,370	1.942,705	-235,335
V	Chi phí khác	4.109,3	2.955,7	1.153,6
1	Lệ phí thẩm định giá	10,849		10,849
2	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	2,775	31,755	-28,980
3	Chi phí thẩm định dự toán	2,683	29,895	-27,212
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu	10,325	11,696	-1,371
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	23,370	24,772	-1,402
6	Lệ phí thẩm định điều chỉnh dự án	2,297		2,297
7	Bảo hiểm công trình	1.011,406	964,461	46,945
8	Chi phí kiểm toán	965,918	348,025	617,893
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	288,057	114,611	173,446
10	Chi phí đánh giá tác động môi trường	322,582	322,000	0,582
11	Điều tra khảo sát lập Báo cáo giám sát môi trường	321,010		321,010
12	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước (tạm tính)	20,000		20,000
13	Phí bảo vệ môi trường và khai thác khoáng sản	230,524	215,795	14,729
14	Chi phí rà phá bom, mìn	897,475	892,652	4,823
VI	Chi phí bồi thường GPMB	8.004,5	7.069,0	935,5
VII	Chi phí dự phòng	500,0	12.573,0	-12.073,0
	Tổng cộng	164.163,6	143.084,5	21.079,1